

Trường phái “Văn hóa và tính cách” và các gợi mở cho vấn đề giáo dục giới trẻ ở Việt Nam

Ngô Thị Phương Lan

Tóm tắt—Con người là một thực thể tự nhiên cũng như một thực thể văn hóa. Do vậy, khi bàn về tính cách của con người được hình thành như thế nào, ngành nhân học văn hóa thường đặt con người trong sự tương tác của hai chiều kích tự nhiên (nature) và văn hóa (culture) và trong đó yếu tố văn hóa thường được nhấn mạnh.

Qua việc nghiên cứu sự tương tác giữa văn hóa và tính cách, vốn là một trường phái chiếm ưu thế giữa thế kỷ XX tại Mỹ, bài viết sẽ đưa ra những hướng gợi mở cho các quan điểm về giáo dục giới trẻ ở Việt Nam. Quan điểm của bài viết tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của quá trình xã hội hóa của gia đình và xã hội đối với cá nhân đặc biệt trong giai đoạn thanh thiếu niên, giai đoạn quan trọng trong việc định hình và phát huy nhân cách. Bài viết cho là để phát huy tiềm lực và năng lực của giới trẻ, cần phải có sự thay đổi về cách nhìn về giới trẻ, quan điểm về giáo dục và không gian hoạt động xã hội cho nhóm đối tượng này.

Từ khóa—văn hóa và tính cách, giới trẻ, tự nhiên, văn hóa, giáo dục

1 TÍNH CÁCH, VĂN HÓA VÀ VĂN HÓA VÀ TÍNH CÁCH

1.1 Tính cách

Khi nghiên cứu về tính cách (personality), có nhiều định nghĩa khác nhau. Ví dụ Mandelbaum (1964) đã trình bày quan điểm của Edward Sapir về tính cách. Theo Sapir, tính cách có nhiều nghĩa khác nhau tùy theo bối cảnh. Theo Ông, có 5 định nghĩa nổi bật về tính cách liên quan đến các hướng tiếp cận triết học (philosophical), sinh lý học (physiological), tâm

vật lý (psychophysical), xã hội học (sociological) và tâm thần học (psychiatric). Về triết học, tính cách được cho là sự nhận thức chủ quan về bản thân để phân biệt với người khác. Theo nghĩa sinh lý học, tính cách được định nghĩa như là một bộ phận của cá nhân con người với việc nhấn mạnh vào những khía cạnh hành vi phân biệt với các bộ phận khác của con người. Nghĩa tâm lý học miêu tả con người như một tổng thể của hệ thống phản ứng sinh lý và tâm lý. Nghĩa xã hội của tính cách có tính biểu tượng, đó là tính tổng thể của những khía cạnh của hành vi mà đem đến ý nghĩa cho cá nhân trong xã hội và phân biệt cá nhân đó với các thành viên khác trong cộng đồng. Nghĩa tâm thần học về tính cách có thể được xem tương đương với những gì cá nhân có được từ tổng thể tâm vật lý và được hình thành như một hệ thống phản ứng tương đối bền vững [1, tr. 164-165]. Hay như, công trình the personality puzzle (câu đố về tính cách) của Funder (1997), cho là tính cách là một dạng thức đặc điểm của cá nhân về suy nghĩ, tình cảm, và hành vi cùng với các cơ chế tâm lý học được biểu hiện hay ẩn dấu dưới các dạng thức này.” Nhấn mạnh đến tính riêng biệt, công trình Personality (tính cách) của Guilford (1959) cho là tính cách của cá nhân là một cấu trúc duy nhất các đặc điểm vật lý ảnh hưởng đến tính khí và hành vi con người (cỡ người và hình dáng, tốc độ tiêu thụ ôxy, và sự cân bằng tuyến nội tiết), các đặc điểm động cơ (nhu cầu, thái độ) và các đặc điểm khả năng và năng khiếu về chức năng khái niệm và hành vi (ví dụ như khả năng học và thể hiện những nhiệm vụ phức tạp). Đây là một định nghĩa hẹp nhất bao gồm sự kết hợp nhiều khía cạnh [2, tr. 46]. Nhìn từ góc độ phê phán các định nghĩa về tính cách từ góc độ thuần sinh học, Barnouw (1963) đã đưa ra định nghĩa về tính cách khi cho là:

Tính cách là cách tổ chức các lực ít nhiều bền vững trong nội tại cá nhân liên hệ với một phức hệ các thái độ, giá trị, và các phương thức cảm nhận khá vững bền mà phần nào giải thích cho tính nhất quán hành vi của cá nhân [3, tr. 8].

Bài nhận ngày 09 tháng 8 năm 2017, hoàn chỉnh sửa chữa ngày 19 tháng 10 năm 2017 Ngô Thị Phương Lan - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM (email: ngophuonglan1974@gmail.com)

Như vậy, dù có các định nghĩa khác nhau về tính cách nhưng các định nghĩa đều nhấn mạnh đến tính cá nhân của tính cách. Nét riêng và đặc thù này của mỗi cá nhân là sản phẩm của sự tương tác giữa yếu tố sinh học và văn hóa khi con người sống và tương tác trong các xã hội cụ thể.

1.2 Văn hóa

Cũng như tính cách, văn hóa cũng có nhiều cách hiểu khác nhau do tính phức tạp và bao hàm của khái niệm này. E.B. Tylor trong công trình *Primitive Culture* (văn hóa nguyên thủy) (1920) là người đầu tiên sử dụng thuật ngữ văn hóa bằng tiếng Anh. Thuật ngữ này đã được các nhà nhân học, văn hóa học hay xã hội học tiếp nhận và phân tích và định nghĩa này vẫn có giá trị cho đến ngày nay mặc dù ít nhiều bị phê phán. Liên quan đến mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội qua quá trình nhập thân văn hóa, định nghĩa của Tylor đã khẳng định tính xã hội của văn hóa đó là "... các khả năng và thói quen con người có được khi là thành viên của xã hội" [4, tr. 1].

Khi xem xét văn hóa với nhiều nghĩa đa dạng khác nhau trong mối liên hệ với các cá nhân, Edward Sapir cho là có ba cách tiếp cận với văn hóa. Hướng tiếp cận thứ nhất là của các nhà dân tộc học và lịch sử văn hóa thể hiện các yếu tố được thừa hưởng trong đời sống của con người về mặt vật chất và tinh thần. Văn hóa được cho là của loài người vì thậm chí đời sống hoang dã thấp nhất trong thế giới xã hội đặc trưng bằng một mạng lưới phức hợp các thói quen, cách sử dụng và thái độ được duy trì qua các thế hệ. Hướng tiếp cận thứ hai nhấn mạnh đến mô hình lý tưởng truyền thống sự tinh lọc của cá nhân, xây dựng dựa trên lượng kiến thức và trải nghiệm đã được hấp thụ bao gồm một hệ các phản ứng điển hình vốn được sự công nhận của một nhóm và của một truyền thống lâu đời. Nghĩa thứ ba của văn hóa nhấn mạnh đến sự sở hữu tinh thần của nhóm chứ không phải của cá nhân. Dựa trên các hướng tiếp cận này, Sapir cho là có văn hóa cá nhân và văn hóa nhóm. Hai văn hóa này phụ thuộc vào nhau. Trong mối quan hệ này cá nhân luôn là những chủ thể sáng tạo trong dòng lưu truyền văn hóa qua các thế hệ [1, tr. 79-102].

Như vậy, do sự đa dạng của các xã hội con người và sự phức tạp của các hành vi con người vốn là các cá nhân chuyên chở văn hóa của một xã hội, khái niệm văn hóa trong sự tương tác với tính cách con người cũng có nhiều cách hiểu khác nhau. Điểm chung của các khái niệm văn hóa là đặc điểm chia sẻ và học hỏi giữa các cá nhân trong một nền văn hóa. Văn hóa đặc trưng cho xã hội con người và trong quá trình này các cá nhân có

vai trò quan trọng và tích cực. Chính quá trình nhập thân văn hóa hay quá trình các cá nhân hấp thụ, duy trì một nền văn hóa cũng là quá trình các cá nhân sáng tạo, cách tân nền văn hóa đó.

1.3 Văn hóa và tính cách

Cụm từ "văn hóa và tính cách" đặt trong mối quan tâm về vai trò của văn hóa đối với sự hình thành tính cách là chủ đề nghiên cứu của phân ngành nhân học tâm lý (psychological anthropology). Hướng nghiên cứu này gây chú ý từ những năm 1920 với tên tuổi của Seligman, Malinowski, Boas, Mead, Sapir và Benedict [5, tr. xix]. Các nhà nhân học tâm lý này tập trung kiểm tra các giả thuyết tâm lý học ở các nền văn hóa khác nhau (Mead, Malinowski và Benedict) hay khái quát hóa các lý thuyết về hành vi của con người với sự kết hợp đan cài giữa lý thuyết xã hội và tâm lý (Sapir, Benedict).

Khi xét tâm lý và văn hóa như là hai biến riêng biệt thì ngành nhân học tâm lý đã đặt ra các giả thuyết về mối quan hệ có thể có giữa hai biến này: 1) Sự đa dạng tâm lý không liên quan gì đến sự đa dạng xã hội văn hóa 2) biến tâm lý phụ thuộc vào biến văn hóa xã hội, 3) biến văn hóa xã hội phụ thuộc vào tâm lý và 4) chúng khác biệt nhưng có liên hệ với nhau [5, tr. xi]. Émile Durkheim qua tác phẩm *Suicide* (Tự tử) (1897) đại diện cho hướng tiếp cận thứ nhất khi ông cho là các yếu tố xã hội chỉ có thể được giải thích bằng các yếu tố xã hội khác. Sigmund Freud cho là tính cách của người trưởng thành phần nhiều được hình thành bởi giai đoạn tuổi ấu thơ, được hình thành khi trẻ lên 5, đặc biệt ở gia đình hạt nhân. Vì cách gia đình tác động đến tính cách của trẻ được định hình bởi phong tục tập quán hay văn hóa và xã hội nên tính cách phụ thuộc vào các biến này [5, tr. xi, 18]. Malinowski qua công trình "*Magic, Science and religion*" (1925) cho là biến văn hóa xã hội phụ thuộc vào biến tâm lý khi ông cho là sự phức tạp của nghi lễ tôn giáo là một phần phản ánh sự lo âu của con người về chu kỳ vòng đời [6]. Bateson qua công trình *Naven* (1936) cho là tâm lý và văn hóa xã hội độc lập với nhau nhưng ảnh hưởng lẫn nhau. Cụ thể tác giả cho là dạng thức hành vi con người bao gồm ethos (cung bậc cảm xúc chuẩn văn hóa) và eidos (phương thức nhận thức chuẩn văn hóa) bên cạnh các khía cạnh khác như cấu trúc xã hội và hệ thống kinh tế [7].

Trong ngành nhân học tâm lý hay trường phái văn hóa và tính cách, văn hóa luôn được nhìn nhận như một yếu tố chi phối quan trọng đến tính cách. Tính cách do yếu tố di truyền và môi trường định hình. Trong các yếu tố môi trường thì văn hóa là

quan trọng nhất. Và văn hóa được thể hiện qua ngôn ngữ và khuôn mẫu hành vi khi con người giao tiếp bằng một ngôn ngữ, bằng việc sống trong một giai đoạn lịch sử, và giao tiếp gần gũi với nhau. Tính đa dạng của tính cách được lý giải là do quá trình xã hội hóa khác nhau ở các nền văn hóa [8, tr. 135].

Tương tự vậy, Thompson (1975) cũng quan niệm là phải xem xét bối cảnh văn hóa của tính cách vì tính cách không phải được hình thành từ môi trường “chân không,” vì quá trình xã hội hóa của cá nhân diễn ra trong một bối cảnh xã hội phù hợp với chuẩn văn hóa và xã hội của xã hội đó. Tuy nhiên quá trình này diễn ra theo những hướng và có kết quả khác nhau. Tính cách phát triển trong lòng văn hóa nhưng không phải là sự phản ánh trực tiếp của văn hóa. Và văn hóa cung cấp những chất liệu cơ bản cho quá trình phát triển tính cách (kiến thức, hệ thống niềm tin và các giá trị nền tảng). Nhưng vượt qua một số đặc điểm nhất định được chia sẻ giữa các thành viên trong cộng đồng để duy trì chức năng xã hội bình thường và sự tiếp nối văn hóa thì “mỗi cá nhân kết hợp nguồn chất liệu văn hóa này theo những cách đặc biệt và xuất hiện với một tính cách khác với những người khác trong xã hội” [2, tr. 47]. Văn hóa tạo ra một số các tổ chức tính cách chung cho các thành viên trong xã hội nhưng không đồng nhất về tính cách tổng thể.

Theo các nhà lý thuyết văn hóa và tính cách, có hai hướng lý giải về vai trò của văn hóa trong việc hình thành nên tính cách: *sao chép sự đồng nhất* (Replication of Uniformity), và *tổ chức của sự đa dạng* (organization of diversity) [9, tr. 26-29]. Quan điểm *sao chép sự đồng nhất* cho là mỗi xã hội có một tính cách chung do ảnh hưởng của văn hóa. Chúng ta thường nghe đến những tính cách quốc gia qua cụm từ như người Việt Nam có tinh thần yêu nước, chăm chỉ, cần cù... hay người Nhật có tính cách tinh tế nhưng cũng độc tài... Ruth Benedict với công trình *Patterns of Culture* (Các mẫu hình văn hóa) (1934) [10] đã nhấn mạnh đến việc phải xem xét hành vi của con người trong bối cảnh văn hóa. Bà cho là mỗi nền văn hóa khuyến khích một loại tính cách riêng biệt. Trong công trình này, người Zuni được miêu tả như những người có tính cách hài hòa (Apollonian): tính khí ôn hòa và có khuynh hướng hợp thành nhóm hay có những hành vi tập thể; trong khi đó người Kwakiutl là người có tính cách buông thả (Dionysian): không điều độ và có chủ nghĩa cá nhân cực đoan. Mỗi nền văn hóa là duy nhất với tính cách riêng và cấu hình riêng. Do vậy không

thể so sánh thấp cao các nền văn hóa này và cũng không thể có sự khái quát xuyên văn hóa. Tính cách quốc gia cũng là một hướng nghiên cứu tương tự. Trong công trình *Chrysanthemum and the Sword* (Hoa cúc và thanh gươm), Benedict nghiên cứu và viết công trình này để có thể hiểu và dự đoán về hành vi của người Nhật sau thế chiến thứ II. Tính cách của người Nhật được bà khắc họa qua bức tranh hình ảnh mâu thuẫn giữa hoa cúc và thanh gươm, một bên tượng trưng cho sự tinh tế, một bên tượng trưng cho sự tàn ác. Sự mâu thuẫn này làm nên tính cách người Nhật:

Người Nhật ở mức độ cao nhất vừa hung hăng vừa không hung hăng, vừa quân phiệt vừa có tính thẩm mỹ, vừa xác láo vừa lịch sự, vừa cứng nhắc vừa thích nghi, vừa phục tùng và phẫn uất khi bị đối xử thô lỗ, trung thành và bội tín, can đảm và nhút nhát, vừa bảo thủ nhưng vừa dễ chịu với những cái mới. Họ rất quan tâm về những gì người khác sẽ nghĩ về hành vi của họ nhưng họ cũng không chú ý gì khi người khác không biết về sơ suất của họ. Người lính của họ trung thành với thanh gươm nhưng cũng không vâng lời [11, tr. 2-3].

Trong khi đó, các học giả khác lại cho là hướng tiếp cận tính cách chung này không có cơ sở thực chứng và họ cho là có rất nhiều dạng tính cách trong mỗi xã hội. Chỉ có cá nhân mới có tính cách còn văn hóa không thể có tính cách. Ở mỗi xã hội có tổ chức đều có sự đa dạng về thói quen, động cơ về tính cách và phong tục. Wallace (1961) là điển hình cho hướng tiếp cận này. Ông cho là “văn hóa thay đổi cách vận hành từ thế hệ này sang thế hệ khác với sự đa dạng đa sắc màu và được đặc trưng nội tại không phải bằng sự đồng nhất mà bằng sự đa dạng của cá nhân và nhóm” [9, tr. 28]. Wallace (1952) khi xác định tính cách mẫu của người bản địa Tuscarora của bang New York, một cộng đồng chỉ có khoảng 600 người, Wallace đã ngạc nhiên khi thấy có rất nhiều tính cách đa dạng. Ông cho là mọi người trong xã hội này chỉ chia sẻ những đặc điểm tính cách nào đó do có văn hóa chung [12]. Kaplan (1954) cũng có kết quả tương tự khi ông nghiên cứu các cá nhân ở bốn nền văn hóa ở Tây Nam nước Mỹ bao gồm người Zuni, Navajo, Mormons và người Mỹ gốc Tây Ban Nha. Mặc dù mỗi nhóm có những đặc điểm nhất định giống nhau do cùng chung nền văn hóa nhưng trong mỗi nhóm đều có các tính cách đa dạng [13].

Như vậy rõ ràng văn hóa có ảnh hưởng quan trọng đến tính cách. Thế nhưng chúng ta cần hiểu rõ những yếu tố nào tác động đến tính cách của cá nhân. Khi nhắc đến chủ đề này, chúng ta không

thể không đề cập đến Margaret Mead, nhà nhân học văn hóa đã có những công trình nghiên cứu quan trọng.

Công trình “Coming of Age in Samoa” và “Growing up in New Guinea” của Margaret Mead có thể xem là các công trình mở màn cho việc nghiên cứu về tuổi trưởng thành theo hướng văn hóa và tính cách. Theo Margaret Mead (1930) văn hóa được tìm hiểu bao gồm giáo dục giai đoạn đầu (early education): thích nghi với nước đối với người Manus ở vùng New Guineu, thái độ tôn trọng của cái, hiểu về ngôi nhà đang sống vốn tạm bợ, xả rác xuống biển, giữ nhà cửa sạch sẽ, hiểu về lửa, bắt chước ngôn ngữ, múa, hát và đánh trống; cuộc sống gia đình bao gồm trật tự thứ bậc vị trí căn nhà, mọi người gắn với bó qua quan hệ ruột thịt hơn là hôn nhân); đời sống xã hội của trẻ và người trưởng thành (buôn bán, nấu ăn, nghỉ ngơi, đánh trống, nhảy múa, cãi nhau, đàn ông và phụ nữ không thích kết bạn, trẻ em chỉ chơi trong nội bộ làng, trẻ em không nhận thức rõ ràng về các mối quan hệ thân tộc); trẻ em và siêu nhiên (tin vào thần linh và tổ tiên, truyền thuyết, quỷ sứ, những người cha thường chết sớm không đồng hành cùng con cái); thế giới của trẻ em (không sở hữu tài sản khi dưới 14 tuổi, chơi đóng giả đám cưới, đám tang, bắt chước các hoạt động của thế giới người lớn như mua bán, trao đổi, không có tổ chức chính thức, không có câu lạc bộ, không nhóm kín, đánh nhau, cãi nhau). Mead cho là sự khác nhau về tính cách đã có từ rất sớm và gia đình, đặc biệt là bố mẹ và nhóm bạn chơi đóng một vai trò quan trọng cho trẻ vị thành niên (từ 4 đến 20 tuổi) [14]. Các công trình sau này khi nghiên cứu về văn hóa và sự trưởng thành cũng đề cập đến các thiết chế giáo dục, gia đình, họ hàng, cộng đồng, tâm linh... (xem thêm Jocano 1969) [15].

Qua việc phân tích sự thay đổi của tính cách trẻ được nhận làm con nuôi ở người Manus, Mead đã cho thấy vai trò nuôi dưỡng và giáo dục của cha mẹ ảnh hưởng đến nhân cách trẻ như thế nào. Qua đó bà cũng gợi mở các vấn đề về giáo dục cho xã hội Mỹ. Cụ thể là bà cho là giáo dục có vai trò quan trọng đến việc hình thành tính cách. Tính cách theo Mead chính là tính khí, quan điểm, sự lựa chọn theo thói quen [14, tr. 134]. Qua trường hợp nghiên cứu về vai trò ảnh hưởng của người cha đối với việc hình thành nhân cách của trẻ em người Manus, bà báo động truyền thống của xã hội Mỹ vốn cho là việc nuôi con là công việc của phụ nữ. Thậm chí sau này việc giáo dục hay chăm sóc cũng chủ yếu là của phụ nữ (mẹ, y tá, giáo viên...). Do vậy, trẻ thiếu tương tác với thế giới

đàn ông. Ảnh hưởng của đàn ông chỉ là “màn khói” mờ nhạt. Và khi thiếu cơ chế này quá trình hình thành tính cách sẽ không có sự ảnh hưởng của đàn ông thế hệ trước đối với thế hệ sau [14, tr. 141]. Tương tự, công trình *Coming of Age in Samoa* (Tuổi trưởng thành ở Samoa) của Margaret Mead (1959) cho thấy quá trình giáo dục từ khi sinh ra cho đến tuổi trưởng thành của trẻ chủ yếu diễn ra ở gia đình, dòng họ, nhóm tuổi và cộng đồng. Việc giáo dục này chủ yếu liên quan đến kỹ năng sống và các giá trị xã hội tùy theo lứa tuổi. Qua trường hợp nghiên cứu này, Mead cũng cho thấy vấn đề của giáo dục xã hội Mỹ vào đầu thế kỷ XX. Nền tảng của xã hội Samoa khiến cho tuổi trưởng thành trở nên dễ dàng [16, tr. 117] trong khi xã hội Mỹ có quá nhiều vấn đề và phức tạp (hàng tá tiêu chuẩn, sự đa dạng của nhóm, chứng loạn thần kinh chức năng, các lựa chọn mâu thuẫn nhau, lo lắng, buồn phiền, căng thẳng, mối quan hệ kháng khí với cha mẹ thay vì cả nhóm họ hàng, tách biệt trẻ gái và trai, thái độ đối với tình dục và giáo dục trẻ các vấn đề liên quan đến sinh và tử...) khiến cho tuổi trưởng thành trở nên “bão táp” [16, tr. 12,115-136]. Văn hóa là yếu tố chịu trách nhiệm cho đặc điểm này của tuổi trưởng thành. Bà đã đề xuất một cách giáo dục khác bằng cách “điều chỉnh môi trường để giảm căng thẳng” bằng cách “đào tạo trẻ em của chúng ta về những lựa chọn mà họ sẽ gặp phải. Giáo dục là sự chuẩn bị hoàn hảo cho trẻ bước vào giai đoạn trưởng thành để tự mình chịu trách nhiệm về các quyết định của mình. Nền giáo dục đó phải chú ý đến sức khỏe tinh thần và thể chất và có đầu óc mở. Gia đình phải giáo dục trẻ cách nghĩ như thế nào chứ không phải nghĩ về cái gì. Và trẻ phải được dạy sự khoan dung, không bị cản trở bởi những định kiến, không bị phiền toái về những tiêu chuẩn... [16, tr. 144-145].

Qua các nghiên cứu về văn hóa và tính cách, mặc dù độ tuổi của lứa tuổi khảo sát ở các công trình không trùng khớp với độ tuổi của giới trẻ mà bài viết này đề cập tới. Nhưng các nghiên cứu này đã cung cấp những chứng cứ khoa học về 1) vai trò của văn hóa hay xã hội đối với cá nhân con người 2) trong xã hội hiện đại phức tạp, giáo dục nâng cao khả năng của cá nhân là một phải pháp phù hợp. Các kết quả nghiên cứu này gợi mở về vấn đề giáo dục cho giới trẻ ở Việt Nam.

2 VĂN HÓA VÀ TÍNH CÁCH VỚI VẤN ĐỀ GIÁO DỤC GIỚI TRẺ Ở VIỆT NAM

2.1 Thực trạng thanh niên Việt Nam: một số nét phác thảo

Theo tổ chức sức khỏe thế giới (WHO), trẻ vị thành niên (adolescence) là từ 10 đến 19 tuổi và thanh niên (youth) là từ 15 đến 24 tuổi; và giới trẻ là từ kết hợp cả hai nhóm từ 10 đến 24 [17]. Tuy nhiên nhiều nghiên cứu về giới trẻ thường nghiên cứu lứa tuổi từ 14-25 vì đây là lứa tuổi đại diện cho người trẻ điển hình ở Việt Nam, là lứa tuổi có tính độc lập nhất định trong việc thể hiện chính kiến của mình [18, tr. 15]. Thế nhưng theo Điều 1 của Luật Thanh niên, thanh niên được quy định là “từ đủ mười sáu tuổi đến ba mươi tuổi” [19, tr. 15]. Do các nghiên cứu để trình bày về hiện trạng giới trẻ Việt Nam chúng tôi tiếp cận được đều là những thanh niên trong độ tuổi từ 15 đến 30 do vậy khái niệm giới trẻ trong bài viết này là từ 15 đến 30 tuổi. Đây là giai đoạn tính độc lập bắt đầu hình thành, phát triển và được pháp luật công nhận. Quyền và nghĩa vụ xã hội của thanh niên được hệ thống luật pháp qui định như quyền bầu cử, quyền công dân, nghĩa vụ quân sự, chịu trách nhiệm về các hành động của mình. Với các quyền và nghĩa vụ này, xã hội đã coi thanh niên đã là thành viên chính thức, một người trưởng thành, bắt đầu có sự đóng góp cho xã hội. Điều này được Điều 4 của Luật Thanh niên khẳng định thanh niên là “trương lai của đất nước, là lực lượng xã hội hùng hậu, có tiềm năng to lớn, xung kích trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đào tạo, bồi dưỡng và phát huy thanh niên là trách nhiệm của Nhà nước, gia đình và xã hội. Đây là quan điểm tiến bộ xem thanh niên là một lực lượng quan trọng có tính xung kích trong hành động thay vì là một đối tượng luôn cần sự chỉ bảo hướng dẫn của người lớn.

Ở Việt Nam nghiên cứu tổng thể nhất về thanh niên là công trình điều tra về vị thành niên và thanh niên Việt Nam lần 1 vào năm 2003 và lần 2 vào năm 2008 do Bộ Y tế và Tổng cục Thống kê thực hiện. Báo cáo này đề cập đến các vấn đề như sức khỏe, giáo dục, việc làm, sự tham gia của thanh niên vào thực thi chính sách công... Năm 2015, Bộ Nội vụ và Quỹ Dân số Liên Hiệp Quốc đã xuất bản Báo cáo Quốc gia về Thanh niên Việt Nam. Ngoài ra còn có các báo cáo liên quan đến việc làm của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Báo cáo khảo sát về quan điểm của thanh niên về bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021 (2016) của iSee và Child Fund International; Báo cáo đánh giá các rào cản,

cơ hội và chiến lược để thanh niên Việt Nam tham gia vào hoạt động dân sự, xã hội của Lê Quang Bình và các cộng sự (2016)...

Các báo cáo này cho thấy thanh niên Việt Nam chiếm 31,9% lực lượng lao động, hàng năm bình quân có 1,2 triệu người gia nhập vào đội ngũ lao động của cả nước. Dù có vai trò quan trọng như vậy nhưng thanh niên cũng chiếm 66,5% số người thất nghiệp; nữ thanh niên thường có nghề nghiệp không ổn định, lương thấp và ít được coi trọng trong xã hội...

Khảo sát của Lê Quang Bình (2016) cho thấy có năm vấn đề thanh niên quan tâm nhất hiện nay là chất lượng giáo dục, vệ sinh an toàn thực phẩm, tham nhũng, ô nhiễm môi trường, sự thờ ơ với các vấn đề của xã hội. Báo cáo cũng cho thấy có sự khác biệt về giới tính về các vấn đề bức xúc chẳng hạn như tỷ lệ nam bức xúc với vấn đề tham nhũng là 47,9% trong khi nữ là 27,3% và nữ quan tâm đến môi trường hơn nam giới [20, tr. 10]. Khảo sát của Bộ Y tế và Tổng cục Thống kê (2003) trước đó cũng cho thấy bên cạnh các mối quan tâm về lợi ích của cá nhân như việc làm, an ninh về kinh tế thì có một tỷ lệ đáng kể 7,4% cho là ước vọng lớn nhất của họ là cống hiến cho đất nước và 22% cho là cống hiến cho đất nước là ước vọng thứ hai [18, tr. 83].

Lê Quang Bình (2016) cũng chỉ ra là thanh niên Việt Nam có tham gia nhiều hoạt động xã hội khác nhau. Các không gian hoạt động của thanh niên bao gồm: cộng đồng, nhà trường, và không gian tự tạo. Tuy nhiên mức độ chủ động giải quyết các vấn đề xã hội không cao và có khác biệt tùy vào vấn đề và không gian hoạt động. Cụ thể, tuy thanh niên nhận thức vấn đề cộng đồng là trách nhiệm của thanh niên nhưng một phần ba số người khảo sát cho là không đủ kỹ năng và uy tín để giải quyết; và rào cản chính là chế độ “chủ hộ gia đình”, quan niệm xã hội là thanh niên còn trẻ, kinh phí hoạt động của tổ chức Đoàn [20, tr. 28-31].

Bên cạnh những biểu hiện tích cực hướng tới lợi ích chung của xã hội, của cộng đồng, các nghiên cứu và khảo sát cũng đưa ra những vấn đề quan ngại về những biểu hiện tiêu cực của giới trẻ trong xã hội hiện nay đặc trưng bằng sự phát triển của chủ nghĩa tiêu dùng, chủ nghĩa cá nhân và sự hội nhập mạnh mẽ với thế giới. Chẳng hạn như Bộ Nội vụ và Quỹ Dân số Liên Hiệp quốc tại Việt Nam (2015) đã nhận diện các hút thuốc lá, uống rượu bia, sử dụng ma túy, chấn thương và tai nạn giao thông là những hành vi nguy cơ đang có diễn biến phức tạp [21, tr. 52-53]. Mai Thị Ngọc Bích (2017) cho thấy sinh viên đại học có sự lệch chuẩn

đạo đức thể hiện qua lối sống vị kỷ, thiếu ý thức trách nhiệm với cộng đồng, tâm lý hưởng thụ, văn hóa ứng xử không đúng mực với những người xung quanh, vi phạm pháp luật (chơi đề, vi phạm luật giao thông, đánh bài...) [22, tr. 68-79].

Như vậy, qua một số nghiên cứu và khảo sát về thanh niên chúng ta có thể thấy mặc dù có những biểu hiện tiêu cực nhưng nhìn ở tổng thể chung đây là lực lượng thể hiện khát khao cống hiến cho đất nước, quan tâm đến các vấn đề của xã hội. Và các vấn đề xã hội họ quan tâm cũng thể hiện sự phức tạp của xã hội hiện nay. Các nghiên cứu cũng cho thấy có những rào cản nhất định về văn hóa và cả thể chế hạn chế sự tham gia đóng góp của thanh niên. Do vậy, muốn phát huy sức mạnh của thanh niên, chúng ta cần phải hạn chế những rào cản hiện nay đối với sự cống hiến và đóng góp của thanh niên cho sự phát triển chung của xã hội.

2.1 Giáo dục đối với thanh niên: một số lưu ý và gợi mở

Trên nền tảng những đặc thù của tâm lý lứa tuổi và thực trạng của thanh niên Việt Nam hiện nay, để có thể tạo nhiều điều kiện tốt nhất cho thanh niên tham gia đóng góp cho xã hội và trên cơ sở các nghiên cứu khoa học về vai trò của văn hóa đặc biệt là giáo dục, chúng tôi đưa ra một số lưu ý cho giải pháp phát triển toàn diện tính cách và khả năng của thanh niên thông qua các quá trình xã hội hóa. Xã hội hóa (socialization) hay nhập thân văn hóa (enculturation) đề cập đến các trải nghiệm học hỏi xã hội có tính tổ chức mà qua đó các cá nhân có được những tiêu chuẩn hành vi và khái niệm đặc trưng cho tập hợp người mà cá nhân trưởng thành [2, tr. 27]. Quá trình này dạy cá nhân các kỹ năng sinh tồn, các quy tắc và luật lệ, các nguyên tắc xác định bản thân và vị trí trong nhóm và một khung khái niệm chung. Thanh niên đặc biệt là giai đoạn đầu vẫn cần có vai trò của giáo dục trong nhà trường và ngoài xã hội vì trong lứa tuổi này thanh niên vẫn tiếp nhận kiến thức và hệ giá trị xã hội. Quan điểm giáo dục đối với thanh niên cần phải:

Thứ nhất, cần thay đổi quan niệm về thanh niên, cần đặt thanh niên đúng vị trí của họ trong xã hội. Trong gia đình và xã hội hiện nay, cái nhìn “ngựa non háu đá” hay “cá không ăn muối cá uon,” về thanh niên đã thể hiện là một rào cản không nhỏ cho sự tham gia của thanh niên vào các công việc của gia đình và xã hội. Trên thực tế, thanh niên ngày nay có nhiều điều kiện để phát huy các khả năng của mình và do vậy tiềm năng trong thanh niên là rất lớn. Do vậy, việc đồng nhất

khái niệm “trẻ” với khái niệm “không biết gì,” “không có kinh nghiệm,” có lẽ không còn phù hợp. Trong mọi công việc nên biết khai thác lợi thế của thanh niên, của giới trẻ về nhiệt huyết, sự sáng tạo, sự năng động... Do vậy trong mọi công việc cần có sự làm việc nhóm có độ tuổi đa dạng khác nhau để có thể tận dụng thế mạnh của giới trẻ và người có kinh nghiệm để đạt hiệu quả công việc.

Thứ hai, cần có quan điểm giáo dục nâng cao năng lực thay vì áp đặt. Các chương trình giáo dục cho thanh niên cả về kiến thức lẫn chính trị cần trang bị những kỹ năng cùng cố tính độc lập, tự chủ trong việc nhận thức, đánh giá và nhìn nhận các vấn đề. Quan điểm áp đặt sẽ làm cho thanh niên với đặc trưng tâm lý của lứa tuổi mình và tính cách họ có được trong xã hội hội nhập và năng động ngày hôm nay đôi lúc sẽ tạo phản ứng ngược. Đó là làm thui chột sức sáng tạo và tính năng động của thanh niên. Giáo dục trong trường học của chúng ta hiện nay đã có những bước thay đổi với phương châm lấy người học làm trung tâm. Tuy nhiên, sự thay đổi này diễn ra vẫn chưa đồng đều ở các vùng miền và các vùng không gian. Do vậy, cần thúc đẩy hơn nữa các phương pháp giảng dạy tích cực khơi gợi và phát huy tính chủ động, sáng tạo và cái tôi của thanh niên.

Thứ ba, cần tạo không gian phù hợp cho các hoạt động của thanh niên. Các công trình nghiên cứu kinh điển về vai trò của văn hóa và giáo dục đối với hành chi của thanh thiếu niên đã chỉ rõ quá trình xã hội hóa của thanh thiếu niên chịu ảnh hưởng của các thiết chế hay các nhóm xã hội mà thanh niên là một thành tố trong đó. Nghiên cứu của Lê Quang Bình và các cộng sự (2016) cũng cho thấy do các nhóm hay thiết chế xã hội sẵn có chưa đáp ứng được nhu cầu của giới trẻ hiện nay nên đã hình thành các khoảng không gian hoạt động tự tạo (các hoạt động từ thiện, dự án xã hội...). Và “tự do” và “tự chủ” là các nhu cầu của thanh niên khi tham gia vào các khoảng không gian này [20, tr. 32]. Do vậy, để có thể phát huy được các năng lực, tiềm năng và sự năng động sáng tạo của thanh niên cần tổ chức các không gian sinh hoạt phù hợp và thay đổi cách thức hoạt động của các không gian sẵn có để thu hút thanh niên chung tay đóng góp cho xã hội.

3 KẾT LUẬN

Tóm lại, trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập mạnh mẽ với thế giới, giới trẻ có thể coi là một hiện tượng tâm lý, văn hóa và xã hội trong xã hội Việt Nam. Với những đặc trưng tâm lý lứa tuổi của mình, lực lượng này cần phải được tạo điều kiện để phát huy hết khả năng của mình, đóng góp cho xã hội. Nghiên cứu theo trường phái văn hóa và tính cách đã chỉ rõ vai trò quan trọng của văn hóa, đặc biệt là giáo dục trong việc hình thành nên tính cách và chi phối hành vi của giới trẻ. Thực trạng của giới trẻ Việt Nam hiện nay cho thấy cần có những thay đổi về góc nhìn giáo dục đối với giới trẻ: thay đổi cách nhìn về giới trẻ như những người “trẻ người, non dạ,” giáo dục cần khuyến khích phát huy năng lực ra quyết định lựa chọn thay vì áp đặt và cần tạo các không gian hoạt động phù hợp hơn nữa với nhu cầu của giới trẻ hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] D. G. Mandelbaum, Edward Sapir - Culture, Language and Personality - Selected Essays, University of California Press, 1964.
- [2] R. A. Thompson, *Psychology and Culture*, Wm. C. Brown Company Publishers, 1975.
- [3] V. Barnouw, *Culture and Personality*, Homewood, Illinois: The Dorsey Press, 1963.
- [4] E. B. Tylor, *Primitive Culture: Research into the Development of Mythology, Philosophy, Religion, Language, Art, and Customs*, London: John Murray, Albemarle Street, W., 1920.
- [5] R. Hunt, *Personalities and Cultures; Readings in Psychological Anthropology*, The Natural History Press, 1967.
- [6] B. Malinowski, "Magic, science and religion," in Needham, ed. *Science, Religion and Reality*, London, Macmillan Co., 1925.
- [7] G. Bateson, *Naven*, Standford: Standford University Press, 1936.
- [8] H. C. Triandis and E. M. Suh, "Cultural Influence on Personality," in *Annual Reviews of Psychology*, 2002, pp. 133-60.
- [9] A. Wallace, *Culture and Personality*, New York: Random House, 1961.
- [10] R. Benedict, *Patterns of Culture*, Houghton Mifflin Company, 1934.
- [11] R. Benedict, *Chrysanthemum and the Sword: Patterns of Japanese Culture*, Boston: Houghton Mifflin, 1946.
- [12] A. F. Wallace, "The Modal Personality Structure of the Tuscarora Indians as Revealed by the Rorschach Test," *Bureau of American Ethnology Bulletin*, no. 150, 1952.
- [13] B. Kaplan, "A Study of Rorschach Responses in Four Culture," in *Papers of the Peabody Museum of American Archaeology and Ethnology*, Cambridge, Harvard University, 1954, p. 42. No.2.
- [14] M. Mead, *Growing Up in New Guinea*, The New American Library, 1930.
- [15] L. Jocano, *Growing up in a philippine Barrio*, Holt, Rinehart and Winston, 1969.
- [16] M. Mead, *Coming of Age in Samoa: A Psychological Study of Primitive Youth for Western Civilization*, The New American Library, 1959.
- [17] World Health Organization, "Recognizing adolescence," [Online]. Available: <http://apps.who.int/adolescent/second-decade/section2/page1/recognizing-adolescence.html>.
- [18] Ministry of Health and General Statistic Office, "A Survey Assessment on Vietnamese Youth. Report," 2003.
- [19] Quốc hội, *Luật Thanh niên*, ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2005, 2005.
- [20] Lê Quang Bình và cộng sự, "Báo cáo đánh giá các rào cản, cơ hội và chiến lược để thanh niên Việt Nam tham gia vào hoạt động dân sự, xã hội," 2016.
- [21] Bộ Nội vụ và Quỹ Dân số Liên Hiệp quốc tại Việt Nam, "Báo cáo quốc gia về thanh niên Việt Nam," 2015.
- [22] Mai Thị Ngọc Bích, *Sự lệch chuẩn đạo đức ở sinh viên đại học Thái Nguyên hiện nay*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Chủ nghĩa Duy vật Biện chứng và Chủ nghĩa Duy vật Lịch sử. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Ngô Thị Phương Lan sinh năm 1974 tại Hà Nội. Bà đạt học vị Tiến sĩ năm 2012. Từ 2002 đến nay, bà là giảng viên cơ hữu của Khoa Nhân học (Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM). Hiện nay, bà đang giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM, đồng thời cũng là Giám đốc Trung tâm Phát triển Nông thôn thuộc trường. Các nghiên cứu của bà tập trung vào các lĩnh vực nhân học môi trường, sinh thái văn hóa và sinh kế các dân tộc.

School of “Culture and Personality” – Some suggestions for the youth education in Vietnam

Ngo Thi Phuong Lan

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Abstract—Human being is a social as well as biological entity. Therefore, when explaining how personality is formed, cultural anthropologists often put people into the interaction of nature and cultural dimension. In this process, they always emphasis on the role of culture.

By contemplating the American culture and personality, which is a prominent field in anthropology in the mid-twentieth century, this paper suggests pathways for the study of the youth in Vietnam. More specially, this paper confirms the significant role of the family and social socialization to individuals especially to adolescences who are experiencing an important phase in the process of personality formulation. On that basis, to utilize the potentials and capabilities of the youth, it is advised that we should change our big assumptions about them in term of their roles in the society and the way to educate them.

Index Terms—culture and personality, adolescence, nature, culture, education.